

UBND HUYỆN HOÀNG HÓA
HĐ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC GD ĐỢT 2 NĂM 2019

TỔNG HỢP KẾT QUẢ
PHÒNG VẤN XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC ĐỢT 2 NĂM 2019
PHÒNG VẤN LẦN 2 - NGÀY 17/5/2020

(Kèm theo Thông báo số 19/TB-HĐXT ngày 19/5/2020 của Hội đồng xét tuyển)

TT	Phòng	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí xét tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm
1	8	192	Lê Thanh An	14.04.1994	GV Mầm Non		71,0	71,0
2	8	193	Đỗ Thị Vân Anh	20.03.1993	GV Mầm Non		71,0	71,0
3	8	194	Hắc Thị Hoài Anh	11.02.1998	GV Mầm Non		32,0	32,0
4	8	195	Mai Thị Anh	20.10.1997	GV Mầm Non		45,0	45,0
5	8	196	Nguyễn Phương Anh	07.04.1997	GV Mầm Non		73,0	73,0
6	8	197	Nguyễn Thị Lan Anh	10.04.1996	GV Mầm Non		50,0	50,0
7	8	198	Mai Thị Ngọc Ánh	02.02.1997	GV Mầm Non		46,0	46,0
8	8	199	Đỗ Thị Bích	20.03.1993	GV Mầm Non		48,0	48,0
9	8	200	Lê Thị Bích	15.07.1995	GV Mầm Non		72,0	72,0
10	8	201	Lê Thị Bình	08.11.1987	GV Mầm Non		Vắng	
11	8	202	Trần Thị Cúc	05.07.1989	GV Mầm Non		70,0	70,0
12	8	203	Phạm Thị Điện	14.01.1985	GV Mầm Non	5,0	49,0	54,0
13	8	204	Cao Thị Diệp	17.04.1990	GV Mầm Non		73,0	73,0
14	8	205	Trần Thị Diệp	04.07.1995	GV Mầm Non		52,0	52,0
15	8	206	Nguyễn Thị Diệp	27.08.1990	GV Mầm Non		70,0	70,0
16	8	207	Trần Thị Diệu	10.11.1993	GV Mầm Non		69,0	69,0
17	8	208	Nguyễn Thị Điều	07.06.1989	GV Mầm Non	5,0	62,0	67,0
18	8	209	Hoàng Thị Dung	05.04.1986	GV Mầm Non		70,5	70,5
19	8	210	Lê Thị Dung	16.06.1985	GV Mầm Non		73,0	73,0
20	8	211	Lê Thị Dung	14.07.1989	GV Mầm Non		Vắng	
21	8	212	Lê Thị Dung	05.08.1992	GV Mầm Non		70,0	70,0
22	8	213	Lê Thị Dung	06.06.1993	GV Mầm Non	5,0	40,0	45,0
23	8	214	Nguyễn Thị Dung	25.09.1996	GV Mầm Non		70,0	70,0
24	8	215	Nguyễn Thị Thùy Dung	24.01.1997	GV Mầm Non		70,0	70,0
25	8	216	Phạm Thị Dung	10.03.1996	GV Mầm Non		39,0	39,0
26	8	217	Trần Thị Dung	12.06.1996	GV Mầm Non		Vắng	
27	8	218	Lương Thị Duyên	05.10.1994	GV Mầm Non		34,0	34,0
28	8	219	Nguyễn Thị Duyên	10.07.1992	GV Mầm Non		Vắng	
29	8	220	Hoàng Thị Giang	19.04.1985	GV Mầm Non		Vắng	
30	8	221	Hoàng Thị Hương Giang	12.12.1997	GV Mầm Non		34,0	34,0
31	8	222	Trịnh Thị Giang	22.02.1993	GV Mầm Non		49,0	49,0
32	8	223	Chu Thị Hà	14.11.1999	GV Mầm Non		70,0	70,0
33	9	224	Dương Thị Hà	20.10.1987	GV Mầm Non		70,0	70,0
34	9	225	Lê Thị Hà	04.02.1996	GV Mầm Non		Vắng	
35	9	226	Lê Thị Hà	06.09.1987	GV Mầm Non		66,0	66,0
36	9	227	Nguyễn Thị Hà	19.08.1989	GV Mầm Non		56,0	56,0
37	9	228	Phan Thị Hà	23.08.1986	GV Mầm Non		58,0	58,0
38	9	229	Lê Thị Hằng	17.05.1985	GV Mầm Non	5,0	75,0	80,0
39	9	230	Nguyễn Thanh Hằng	23.08.1991	GV Mầm Non		56,0	56,0
40	9	231	Trịnh Thị Hằng	28.05.1987	GV Mầm Non		Vắng	
41	9	232	Cao Thị Hạnh	10.11.1984	GV Mầm Non		61,0	61,0

TT	Phòng	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí xét tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm
42	9	233	Đỗ Thị Hạnh	11.09.1987	GV Mầm Non		68,0	68,0
43	9	234	Lê Thị Hạnh	21.08.1990	GV Mầm Non	5,0	71,0	76,0
44	9	235	Trịnh Thị Hạnh	18.05.1992	GV Mầm Non	5,0	61,0	66,0
45	9	236	Trịnh Thị Hạnh	15.10.1996	GV Mầm Non		65,0	65,0
46	9	237	Nguyễn Thị Hậu	01.09.1998	GV Mầm Non		69,0	69,0
47	9	238	Lê Thị Hiền	05.02.1997	GV Mầm Non		Vắng	
48	9	239	Chu Thị Hiền	06.04.1987	GV Mầm Non		70,0	70,0
49	9	240	Đỗ Thị Hiền	25.03.1990	GV Mầm Non		50,0	50,0
50	9	241	Hàn Thị Hiền	10/12.1989	GV Mầm Non		55,0	55,0
51	9	242	Lê Thị Hiền	10.07.1987	GV Mầm Non		65,0	65,0
52	9	243	Lê Thị Hiền	28.12.1989	GV Mầm Non		40,0	40,0
53	9	244	Nguyễn Thị Hiền	27.03.1991	GV Mầm Non		50,0	50,0
54	9	245	Nguyễn Thị Hiền	06.10.1997	GV Mầm Non		Vắng	
55	9	246	Nguyễn Thị Hiền	25.06.1995	GV Mầm Non		69,0	69,0
56	9	247	Nguyễn Thị Hiền	27.09.1986	GV Mầm Non		72,0	72,0
57	9	248	Trương Thị Hiền	22.09.1995	GV Mầm Non		Vắng	
58	9	249	Trương Thị Hoa	23.07.1993	GV Mầm Non	5,0	40,0	45,0
59	9	250	Nguyễn Thị Hòa	30.01.1990	GV Mầm Non		45,0	45,0
60	9	251	Lê Thị Hoan	24.06.1995	GV Mầm Non		Vắng	
61	9	252	Đỗ Thị Hồng	25.02.1986	GV Mầm Non		Vắng	
62	9	253	Lê Thị Hồng	03.10.1985	GV Mầm Non		78,0	78,0
63	9	254	Nguyễn Thị Hồng	14.03.1992	GV Mầm Non		47,0	47,0
64	9	255	Cao Thị Hợp	09.01.1993	GV Mầm Non		50,0	50,0
65	10	256	Nguyễn Thị Hợp	25.09.1992	GV Mầm Non	5,0	60,0	65,0
66	10	257	Lê Thị Huệ	02.06.1984	GV Mầm Non		Vắng	
67	10	258	Nguyễn Thị Huệ	07.04.1995	GV Mầm Non		70,0	70,0
68	10	259	Dur Thị Hương	13.09.1994	GV Mầm Non		45,0	45,0
69	10	260	Hoàng Thị Hương	02.04.1989	GV Mầm Non	5,0	63,0	68,0
70	10	261	Lê Thị Hương	20.09.1986	GV Mầm Non		69,0	69,0
71	10	262	Lê Thị Hương	23.07.1982	GV Mầm Non		75,0	75,0
72	10	263	Lê Thị Hương	15.08.1994	GV Mầm Non	5,0	77,0	82,0
73	10	264	Lữ Thị Hương	01.07.1993	GV Mầm Non		73,0	73,0
74	10	265	Nguyễn Thị Hương	25.01.1997	GV Mầm Non		78,0	78,0
75	10	266	Nguyễn Thị Hương	03.11.1993	GV Mầm Non		72,0	72,0
76	10	267	Nguyễn Thị Hương	11.10.1993	GV Mầm Non		Vắng	
77	10	268	Trịnh Thị Thu Hương	26.01.1990	GV Mầm Non		45,0	45,0
78	10	269	Cao Thị Hường	16.06.1993	GV Mầm Non		46,0	46,0
79	10	270	Cao Thị Hường	24.08.1992	GV Mầm Non		56,0	56,0
80	10	271	Lê Thị Hường	10.06.1989	GV Mầm Non		74,0	74,0
81	10	272	Lữ Thị Hường	06.11.1990	GV Mầm Non		Vắng	
82	10	273	Nguyễn Thị Hường	01.04.1996	GV Mầm Non		71,0	71,0
83	10	274	Trương Thị Hường	23.03.1993	GV Mầm Non		43,0	43,0
84	10	275	Lê Thị Huyền	11.08.1987	GV Mầm Non		52,0	52,0
85	10	276	Nguyễn Thị Huyền	05.01.1989	GV Mầm Non		61,0	61,0
86	10	277	Trương Thị Huyền	13.03.1998	GV Mầm Non		Vắng	
87	10	278	Lê Thị Lan	02.09.1987	GV Mầm Non		58,0	58,0
88	10	279	Nguyễn Thị Lan	10.05.1990	GV Mầm Non		35,0	35,0
89	10	280	Phạm Thị Lan	15.05.1988	GV Mầm Non		Vắng	

TT	Phòng	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí xét tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm
90	10	281	Hoàng Thị Lân	21.02.1983	GV Mầm Non	5,0	50,0	55,0
91	10	282	Trịnh Thị Lê	20.06.1989	GV Mầm Non		Vắng	
92	10	283	Lương Thị Lệ	25.07.1994	GV Mầm Non		41,0	41,0
93	10	284	Đỗ Thị Liên	21.10.1989	GV Mầm Non	5,0	69,0	74,0
94	10	285	Nguyễn Thị Liên	05.08.1990	GV Mầm Non	5,0	50,0	55,0
95	10	286	Trần Thị Liên	20.10.1991	GV Mầm Non		70,0	70,0
96	10	287	Vũ Thị Liên	13.04.1995	GV Mầm Non		45,0	45,0
97	11	288	Lê Thị Liễu	27.12.1986	GV Mầm Non		74,0	74,0
98	11	289	Đỗ Thị Thùy Linh	22.10.1990	GV Mầm Non		50,0	50,0
99	11	290	Lê Thị Thùy Linh	06.05.1991	GV Mầm Non		Vắng	
100	11	291	Nguyễn Thị Linh	01.01.1997	GV Mầm Non		57,0	57,0
101	11	292	Nguyễn Thị Linh	02.11.1992	GV Mầm Non		63,0	63,0
102	11	293	Trương Thị Linh	18.04.1996	GV Mầm Non		57,0	57,0
103	11	294	Hoàng Thị Loan	03.04.1993	GV Mầm Non		60,0	60,0
104	11	295	Nguyễn Thị Lương	28.02.1994	GV Mầm Non		72,0	72,0
105	11	296	Lê Thị Lý	06.10.1986	GV Mầm Non		72,0	72,0
106	11	297	Trương Thị Lý	03.06.1993	GV Mầm Non		Vắng	
107	11	298	Lê Thị Mai	12.03.1990	GV Mầm Non		78,0	78,0
108	11	299	Lê Thị Mai	05.11.1989	GV Mầm Non		60,0	60,0
109	11	300	Vũ Thị Mạnh	14.03.1997	GV Mầm Non		80,0	80,0
110	11	301	Trương Thị Minh	08.10.1992	GV Mầm Non		73,0	73,0
111	11	302	Nguyễn Thị My	03.03.1995	GV Mầm Non	5,0	63,0	68,0
112	11	303	Trương Thị Nam	09.01.1998	GV Mầm Non		51,0	51,0
113	11	304	Chu Thị Năm	25.02.1991	GV Mầm Non		Vắng	
114	11	305	Lê Thị Nga	15.01.1991	GV Mầm Non		71,0	71,0
115	11	306	Phạm Thị Nga	12.12.1994	GV Mầm Non		12,0	12,0
116	11	307	Lê Thị Ngân	05.06.1989	GV Mầm Non		40,0	40,0
117	11	308	Lê Thị Ngân	30.09.1987	GV Mầm Non		63,0	63,0
118	11	309	Lê Thị Hồng Ngoan	26.08.1990	GV Mầm Non		70,0	70,0
119	11	310	Cao Thị Ngọc	20.10.1994	GV Mầm Non		69,0	69,0
120	11	311	Đỗ Thị Ngọc	02.07.1987	GV Mầm Non		85,0	85,0
121	11	312	Lê Thị Ngọc	03.01.1998	GV Mầm Non		69,0	69,0
122	11	313	Vũ Thị Nguyên	12.07.1989	GV Mầm Non		50,0	50,0
123	11	314	Lê Thị Nguyệt	20.09.1997	GV Mầm Non		53,0	53,0
124	11	315	Lương Thị Nguyệt	17.06.1994	GV Mầm Non		40,0	40,0
125	11	316	Nguyễn Thị Nguyệt	27.02.1998	GV Mầm Non		60,0	60,0
126	11	317	Khuong Thị Nhung	18.08.1996	GV Mầm Non		55,0	55,0
127	11	318	Nguyễn Thị Nhung	28.04.1995	GV Mầm Non		73,0	73,0
128	12	319	Trần Thị Nhung	26.01.1982	GV Mầm Non		60,0	60,0
129	12	320	Ngô Thị Kim Oanh	02.01.1996	GV Mầm Non		57,0	57,0
130	12	321	Hoàng Thị Thu Phương	07.09.1997	GV Mầm Non		Vắng	
131	12	322	Khuong Thị Phương	03.10.1998	GV Mầm Non		30,0	30,0
132	12	323	Nguyễn Thị Bích Phương	06.05.1997	GV Mầm Non		73,0	73,0
133	12	324	Nguyễn Thị Phương	01.06.1991	GV Mầm Non		40,0	40,0
134	12	325	Nguyễn Thị Phương	02.12.1998	GV Mầm Non		Vắng	
135	12	326	Nguyễn Thị Phương	10.10.1991	GV Mầm Non		67,0	67,0
136	12	327	Trần Thị Phương	26.07.1986	GV Mầm Non		73,0	73,0
137	12	328	Trịnh Thùy Phương	16.09.1986	GV Mầm Non	5,0	61,0	66,0

TT	Phòng	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí xét tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm
138	12	329	Lại Thị Phượng	18.08.1988	GV Mầm Non		74,0	74,0
139	12	330	Lê Thị Phượng	10.08.1995	GV Mầm Non		70,0	70,0
140	12	331	Vũ Thị Phượng	08.09.1990	GV Mầm Non	5,0	71,0	76,0
141	12	332	Nguyễn Thị Quy	17.11.1990	GV Mầm Non		70,0	70,0
142	12	333	Lê Thị Quý	08.03.1989	GV Mầm Non		51,0	51,0
143	12	334	Lê Thị Quỳnh	12.01.1996	GV Mầm Non		78,0	78,0
144	12	335	Hoàng Thị Sâm	20.03.1984	GV Mầm Non		38,0	38,0
145	12	336	Phạm Thị Sáng	07.02.1992	GV Mầm Non		49,0	49,0
146	12	337	Lê Thị Tâm	07.11.1993	GV Mầm Non		73,0	73,0
147	12	338	Nguyễn Thị Tâm	10.07.1986	GV Mầm Non	5,0	Vắng	
148	12	339	Nguyễn Thị Tâm	26.06.1994	GV Mầm Non		52,5	52,5
149	12	340	Lê Thị Thắm	20.02.1992	GV Mầm Non		28,0	28,0
150	12	341	Lê Thị Thắm	10.01.1993	GV Mầm Non		60,0	60,0
151	12	342	Lê Thị Thắm	24.01.1994	GV Mầm Non		Vắng	
152	12	343	Lê Thị Thanh	02.09.1993	GV Mầm Non		59,0	59,0
153	12	344	Nguyễn Thị Thanh	02.10.1993	GV Mầm Non		71,0	71,0
154	12	345	Hoàng Thị Thảo	04.12.1994	GV Mầm Non		Vắng	
155	12	346	Hoàng Thị Thu Thảo	17.08.1997	GV Mầm Non		54,0	54,0
156	12	347	Lê Thị Thảo	28.10.1997	GV Mầm Non		60,0	60,0
157	12	348	Lê Thị Thảo	24.03.1994	GV Mầm Non		Vắng	
158	12	349	Mai Phương Thảo	12.02.1997	GV Mầm Non		72,0	72,0
159	13	350	Trương Thị Thảo	05.08.1990	GV Mầm Non		75,0	75,0
160	13	351	Trương Thị Thu Thảo	23.09.1991	GV Mầm Non		61,0	61,0
161	13	352	Lê Thị Thi	15.10.1991	GV Mầm Non		34,0	34,0
162	13	353	Hồ Thị Thoa	07.07.1988	GV Mầm Non		74,0	74,0
163	13	354	Hàn Thị Thơm	11.07.1987	GV Mầm Non		64,0	64,0
164	13	355	Lê Thị Thu	20.04.1994	GV Mầm Non	5,0	Vắng	
165	13	356	Nguyễn Lệ Thu	10.10.1994	GV Mầm Non		53,0	53,0
166	13	357	Nguyễn Thị Thu	16.09.1986	GV Mầm Non		76,0	76,0
167	13	358	Nguyễn Thị Thu	11.12.1994	GV Mầm Non		42,0	42,0
168	13	359	Nguyễn Thị Thu	06.03.1986	GV Mầm Non		43,0	43,0
169	13	360	Nguyễn Thị Thu	15.10.1988	GV Mầm Non		76,0	76,0
170	13	361	Lê Thị Thư	15.08.1991	GV Mầm Non		56,5	56,5
171	13	362	Nguyễn Thị Thư	23.11.1995	GV Mầm Non		Vắng	
172	13	363	Lê Thị Thương	29.05.1988	GV Mầm Non		71,0	71,0
173	13	364	Lê Thị Thủy Thương	23.07.1992	GV Mầm Non		73,0	73,0
174	13	365	Bùi Thị Thúy	25.09.1995	GV Mầm Non		41,0	41,0
175	13	366	Khương Thị Thúy	04.11.1996	GV Mầm Non		55,0	55,0
176	13	367	Lê Thị Thúy	01.01.1998	GV Mầm Non		55,0	55,0
177	13	368	Nguyễn Thị Thúy	05.03.1991	GV Mầm Non		60,0	60,0
178	13	369	Nguyễn Thị Thúy	17.04.1992	GV Mầm Non		70,0	70,0
179	13	370	Nguyễn Thị Thúy	10.09.1989	GV Mầm Non		73,0	73,0
180	13	371	Nguyễn Thị Thúy	16.10.1987	GV Mầm Non		62,0	62,0
181	13	372	Phạm Thị Thúy	19.04.1995	GV Mầm Non		60,0	60,0
182	13	373	Lê Thị Thùy	09.12.1996	GV Mầm Non		77,0	77,0
183	13	374	Lê Thị Thủy	15.05.1993	GV Mầm Non		Vắng	
184	13	375	Lê Thị Thủy	18.09.1991	GV Mầm Non		63,0	63,0
185	13	376	Nguyễn Thị Thủy	02.05.1986	GV Mầm Non		72,0	72,0

TT	Phòng	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí xét tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm
186	13	377	Nguyễn Thị Thủy	07.11.1997	GV Mầm Non		73,0	73,0
187	13	378	Nguyễn Thị Thủy	28.08.1987	GV Mầm Non		55,0	55,0
188	13	379	Trần Thị Thủy	29.10.1994	GV Mầm Non		62,0	62,0
189	13	380	Nguyễn Thị Tĩnh	23.10.1994	GV Mầm Non		63,0	63,0
190	14	381	Nguyễn Thị Tới	08.04.1998	GV Mầm Non		75,0	75,0
191	14	382	Cao Thị Trang	25.03.1996	GV Mầm Non		Vắng	
192	14	383	Đào Thị Thùy Trang	16.07.1994	GV Mầm Non		75,0	75,0
193	14	384	Đỗ Thị Trang	20.03.1993	GV Mầm Non		53,0	53,0
194	14	385	Đỗ Thị Trang	05.04.1983	GV Mầm Non	5,0	41,0	46,0
195	14	386	Lê Thị Trang	22.09.1997	GV Mầm Non		74,0	74,0
196	14	387	Lường Thị Trang	22.12.1997	GV Mầm Non		73,0	73,0
197	14	388	Nguyễn Thị Thu Trang	09.11.1989	GV Mầm Non	5,0	Vắng	
198	14	389	Nguyễn Thị Trang	10.11.1990	GV Mầm Non		39,0	39,0
199	14	390	Nguyễn Thị Trang	19.05.1990	GV Mầm Non		44,0	44,0
200	14	391	Đoàn Thị Trọng	12.09.1987	GV Mầm Non		71,0	71,0
201	14	392	Trần Thị Tú	13.01.1996	GV Mầm Non		40,0	40,0
202	14	393	Lê Thị Tuyền	20.12.1991	GV Mầm Non		46,0	46,0
203	14	394	Hoàng Thị Tuyết	14.08.1996	GV Mầm Non		40,0	40,0
204	14	395	Lê Thị Tuyết	20.07.1993	GV Mầm Non		40,0	40,0
205	14	396	Nguyễn Thị Tuyết	08.02.1992	GV Mầm Non		Vắng	
206	14	397	Hà Thị Vân	29.04.1996	GV Mầm Non		75,0	75,0
207	14	398	Lê Thị Vân	10.12.1995	GV Mầm Non		38,0	38,0
208	14	399	Lê Thị Vân	10.05.1994	GV Mầm Non		76,0	76,0
209	14	400	Lê Thị Vân	10.10.1988	GV Mầm Non		66,0	66,0
210	14	401	Mai Thị Vân	10.11.1990	GV Mầm Non		Vắng	
211	14	402	Nguyễn Thị Vân	01.09.1989	GV Mầm Non	5,0	Vắng	
212	14	403	Phạm Thị Vân	01.07.1993	GV Mầm Non		Vắng	
213	14	404	Trịnh Thị Văn	23.07.1996	GV Mầm Non		72,0	72,0
214	14	405	Lương Thị Việt	10.06.1990	GV Mầm Non		65,0	65,0
215	14	406	Nguyễn Thị Vui	30.04.1995	GV Mầm Non		Vắng	
216	14	407	Mai Thị Xuân	14.04.1997	GV Mầm Non	5,0	0,0	5,0
217	14	408	Nguyễn Thị Xuân	30.06.1989	GV Mầm Non	5,0	71,0	76,0
218	14	409	Nguyễn Thị Xuân	08.07.1983	GV Mầm Non		65,0	65,0
219	14	410	Bùi Thị Yên	28.11.1996	GV Mầm Non		58,0	58,0
220	14	411	Nguyễn Thị Hải Yến	01.02.1991	GV Mầm Non		35,0	35,0
221	14	412	Phạm Thị Yến	06.04.1987	GV Mầm Non		67,0	67,0
222	15	413	Lê Thị Hằng	02.08.1986	GV Âm Nhạc	5,0	69,0	74,0
223	15	414	Vũ Thị Thắm	10.02.1995	GV Âm Nhạc		61,0	61,0
224	15	415	Trần Thị Thu	01.09.1986	GV Âm Nhạc	5,0	71,5	76,5
225	15	416	Hà Thị Thùy	08.05.1986	GV Âm Nhạc		62,5	62,5
226	15	417	Nguyễn Thị Thủy	18.10.1985	GV Âm Nhạc		73,0	73,0
227	15	418	Nguyễn Thị Bình	20.10.1986	GV Thẻ Dục		70,0	70,0
228	15	419	Vũ Thị Chinh	13.12.1986	GV Thẻ Dục		Vắng	
229	15	420	Hoàng Văn Cường	26.06.1987	GV Thẻ Dục		Vắng	
230	15	421	Nguyễn Hữu Đình	09.10.1988	GV Thẻ Dục		59,0	59,0
231	15	422	Nguyễn Huy Định	12.12.1988	GV Thẻ Dục	5,0	76,5	81,5
232	15	423	Nguyễn Thế Sang	01.01.1996	GV Thẻ Dục		61,0	61,0

TT	Phòng	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí xét tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm
233	15	424	Lê Văn Thọ	16.07.1985	GV Thẻ Dục		62,5	62,5
234	15	425	Lê Thế Tín	13.04.1993	GV Thẻ Dục	5,0	Vắng	
235	15	426	Lê Đức Trung	08.11.1986	GV Thẻ Dục	5,0	Vắng	
236	15	427	Lê Anh Tuấn	16.01.1989	GV Thẻ Dục	5,0	73,0	78,0
237	15	428	Lê Bá Tuấn	28.03.1995	GV Thẻ Dục		73,0	73,0
238	15	429	Nguyễn Văn Khánh	02.10.1987	GV Tin học		Vắng	
239	15	430	Đỗ Thị Oanh	13.08.1985	GV Tin học		Vắng	
240	15	431	Trịnh Thị Thắm	30.11.1982	GV Tin học		Vắng	
241	15	432	Lê Thị Tuyền	02.10.1983	GV Tin học		Vắng	
242	15	433	Dương Thị Vân Anh	06.10.1997	GV Văn Hóa		Vắng	
243	15	434	Trần Thị Ngọc Anh	17.10.1997	GV Văn Hóa		36,0	36,0
244	15	435	Trần Thị Bình	20.06.1983	GV Văn Hóa		36,0	36,0
245	15	436	Trịnh Đình Bình	29.06.1983	GV Văn Hóa		0,0	0,0
246	15	437	Lê Thị Dung	15.06.1987	GV Văn Hóa		Vắng	
247	15	438	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	14.12.1997	GV Văn Hóa	5,0	55,0	60,0
248	15	439	Lê Thị Hà	22.03.1996	GV Văn Hóa		71,0	71,0
249	15	440	Đỗ Thị Hào	20.12.1996	GV Văn Hóa		74,0	74,0
250	15	441	Nguyễn Thị Ánh Hằng	04.02.1995	GV Văn Hóa		79,0	79,0
251	15	442	Nguyễn Thị Thu Hằng	20.08.1996	GV Văn Hóa		71,0	71,0
252	15	443	Nguyễn Thị Hoa	27.05.1985	GV Văn Hóa		74,0	74,0
253	16	444	Lê Thị Hồng	01.07.1989	GV Văn Hóa		69,0	69,0
254	16	445	Nguyễn Thị Hồng	04.02.1995	GV Văn Hóa		70,0	70,0
255	16	446	Vũ Thị Hồng	30.12.1995	GV Văn Hóa		Vắng	
256	16	447	Nguyễn Việt Hùng	22.02.1980	GV Văn Hóa		63,0	63,0
257	16	448	Phạm Văn Hùng	02.09.1979	GV Văn Hóa		Vắng	
258	16	449	Trần Thị Hường	26.12.1993	GV Văn Hóa		Vắng	
259	16	450	Phạm Thị Khánh	02.05.1997	GV Văn Hóa		70,0	70,0
260	16	451	Hoàng Thị Lệ	01.08.1984	GV Văn Hóa		75,0	75,0
261	16	452	Phạm Thị Thùy Liên	24.05.1996	GV Văn Hóa		63,0	63,0
262	16	453	Phạm Thị Thùy Linh	02.06.1997	GV Văn Hóa		72,0	72,0
263	16	454	Lê Thị Khánh Ly	05.11.1997	GV Văn Hóa		70,0	70,0
264	16	455	Vi Thị Mai	10.10.1993	GV Văn Hóa	5,0	Vắng	
265	16	456	Đỗ Thị Nga	04.09.1996	GV Văn Hóa		69,0	69,0
266	16	457	Lê Thị Nga	25.02.1995	GV Văn Hóa		Vắng	
267	16	458	Lê Ánh Ngọc	05.05.1996	GV Văn Hóa		69,0	69,0
268	16	459	Hoàng Thị Nguyệt	20.06.1987	GV Văn Hóa		73,0	73,0
269	16	460	Nguyễn Thị Nhân	10.02.1994	GV Văn Hóa		Vắng	
270	16	461	Hoàng Thị Nhu	20.09.1995	GV Văn Hóa	5,0	70,0	75,0
271	16	462	Bùi Thị Hồng Nhung	02.09.1990	GV Văn Hóa		Vắng	
272	16	463	Đoàn Thị Phương	03.06.1991	GV Văn Hóa		72,0	72,0
273	16	464	Nguyễn Thị Phương	13.12.1998	GV Văn Hóa		73,0	73,0
274	16	465	Đỗ Thị Quý	20.12.1983	GV Văn Hóa		60,0	60,0
275	16	466	Đặng Thị Quỳnh	25.08.1993	GV Văn Hóa		60,0	60,0

TT	Phòng	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí xét tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm
276	16	467	Đinh Thị Thu Thảo	18.11.1988	GV Văn Hóa	5,0	57,0	62,0
277	16	468	Lê Hà Thu	07.08.1994	GV Văn Hóa		74,0	74,0
278	16	469	Hoàng Thị Thúy	03.10.1996	GV Văn Hóa		75,0	75,0
279	16	470	Lương Thị Thúy	28.03.1995	GV Văn Hóa		76,0	76,0
280	16	471	Nguyễn Thị Tín	10.05.1990	GV Văn Hóa	5,0	70,0	75,0
281	16	472	Hoàng Thị Anh Vân	28.09.1988	GV Văn Hóa		72,0	72,0
282	16	473	Chu Thị Vinh	09.08.1991	GV Văn Hóa		73,0	73,0
283	17	474	Hoàng Thị Vân Anh	22.01.1990	Hành chính, Kế toán		49,0	49,0
284	17	475	Hán Thị Mai Anh	20.08.1996	Hành chính, Kế toán		72,0	72,0
285	17	476	Lê Thị Dung	20.09.1988	Hành chính, Kế toán		54,0	54,0
286	17	477	Trần Thị Hằng	17.12.1991	Hành chính, Kế toán		73,0	73,0
287	17	478	Nguyễn Thị Hằng	11.10.1992	Hành chính, Kế toán		59,0	59,0
288	17	479	Mai Thị Hạnh	06.08.1992	Hành chính, Kế toán		71,0	71,0
289	17	480	Lê Thị Hiền	10.01.1987	Hành chính, Kế toán		Vắng	
290	17	481	Lê Thị Hoa	28.09.1992	Hành chính, Kế toán		58,0	58,0
291	17	482	Lê Thị Hồng	08.06.1991	Hành chính, Kế toán		Vắng	
292	17	483	Cao Bá Hưng	24.08.1989	Hành chính, Kế toán		60,0	60,0
293	17	484	Trịnh Thu Hương	16.03.1991	Hành chính, Kế toán		Vắng	
294	17	485	Nguyễn Thị Linh	01.06.1997	Hành chính, Kế toán		Vắng	
295	17	486	Lê Thị Linh	27.07.1997	Hành chính, Kế toán		Vắng	
296	17	487	Trương Cao Thùy Linh	05.11.1994	Hành chính, Kế toán		Vắng	
297	17	488	Nguyễn Thị Mai	05.11.1992	Hành chính, Kế toán		67,0	67,0
298	17	489	Lê Thị Nga	20.02.1992	Hành chính, Kế toán		61,0	61,0
299	17	490	Nguyễn Thị Phương	15.06.1983	Hành chính, Kế toán		62,0	62,0
300	17	491	Lê Thị Quỳnh	06.11.1997	Hành chính, Kế toán		68,0	68,0
301	17	492	Cao Thị Thảo	15.06.1989	Hành chính, Kế toán		63,0	63,0